

**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ PHÂN PHỐI LHD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ PHÂN PHỐI LHD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LHD PHARMACEUTICAL AND DISTRIBUTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LHD PHARMA

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109804231

**3. Ngày thành lập:** 04/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7 Nguyễn Trung Trực, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0918098382

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý mua bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá)           | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                               | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                 | 4633     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                     | 4659     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                     | 8220     |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                        | 8230     |
| 8.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                 | 8292     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh         | 8299     |
| 10. | Cổng thông tin<br>(loại trừ các hoạt động báo chí)                                                                                               | 6312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ loại Nhà nước cấm);                     | 6399        |
| 12. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(loại trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)                                                                                                                                             | 7020        |
| 13. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                     | 7320        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                 | 4690        |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) | 4711        |
| 17. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(trừ các hoạt động đấu giá)                                                                                                                                            | 4719        |
| 18. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                            | 4721        |
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                             | 4722        |
| 20. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                               | 4723        |
| 21. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử<br>(Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                         | 4791        |
| 22. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ các hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                  | 4799        |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                  | 5210        |
| 25. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                             | 5224        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                      | 5225        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                          | 5229        |
| 28. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4772(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên       | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HÒA       | Việt Nam  | Thôn Tăng My, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | 500.000.000           | 16,670    | 031182002261                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ THÚY LOAN | Việt Nam  | P06, Tg15, khu nhà ở CS113, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | 1.500.000.000         | 50,000    | 031176000631                                                                                            |         |
| 3   | LÊ THÙY DUNG         | Việt Nam  | Số 7 Nguyễn Trung Trực, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.000.000.000         | 33,330    | 001188000705                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THÙY DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/02/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001188000705

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 7 Nguyễn Trung Trực, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7 Nguyễn Trung Trực, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội